TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H
Bản án số: 117/2023/HSST
Ngày 03/11/2023

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ N1 VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Duy Tr.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ H1 Anh và bà Vũ Thị T1.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Trung K1 - Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H: Bà Đặng Thị H2 - Kiểm sát viên.

Ngày 03/11/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 99/2023/HSST ngày 11/10/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2023/QĐXXST-HS ngày 20/10/2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh năm 1988; giới tính: nam; tên gọi khác: không; Nơi thường trú: thôn T2, xã Đ, huyện N, tỉnh H3; Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 9/12, Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Nguyễn Văn T2, đã chết và bà: Phạm Thị H4, sinh năm 1962; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ hai; Vợ: Nguyễn Thị Q, sinh năm 1992 (đã ly hôn); Có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2020;

- Tiền án: Ngày 28/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Â, tỉnh H xử phạt 1 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án có hiệu lực pháp luật từ ngày 17/7/2023 (Chưa chấp hành án).

- Tiền sự: Ngày 14/7/2023, bị Ủy ban nhân dân xã A, huyện T3, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

- Nhân thân:

+ Ngày 29/12/2011, bị Công an huyện N, tỉnh H3 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đA1 nhau.

+ Ngày 21/6/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh H3 xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/12/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh H3 xử phạt 05 tháng tù về tội đA1 bạc. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù với bản án ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H3, T phải chấp hành hình phạt C4 là 11 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 18/4/2019.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/7/2023, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*/ **Bị hại**:

- Ông Trần Hữu N1, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn E, xã T4, huyện K, tỉnh H.

- Ông Trịnh Thanh X, sinh năm: 1951 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn K2, xã L, huyện K, tỉnh H.

*/ **Nguyên đơn dân sự**:

- Bà Phạm Thị H5, sinh năm: 1985 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn K3, xã L, huyện K, tỉnh H.

- Ông Trần Văn T5, sinh năm: 1980 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện K, tỉnh H.

*/ **Người có quyền lợi, N1 vụ liên quan**:

- Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1986. (vắng mặt).

Trú tại: Thôn E, xã T4, huyện K, tỉnh H.

- Anh Đào Văn A1, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn T7, xã C1, huyện K, tỉnh H.

- Ông Vũ Văn T8, sinh năm: 1962 (vắng mặt).

Trú tại: Thôn L1, xã N3, huyện K, tỉnh H.

- Anh Trần Thế C4, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Đường N4, phường T9, thành phố H9, tỉnh H3.

- Bà Phạm Thị H10, sinh năm: 1954 (vắng mặt).

Trú tại: thôn T2, xã Đ, huyện N, tỉnh H3.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2023, Nguyễn Văn T, sinh năm 1988 ở thôn T2, xã Đ, huyện N, tỉnh H3 đến thuê nhà của ông Vũ Văn T8, sinh năm 1962 ở Thôn L1, xã N3, huyện K để sinh sống. Do không có tiền chi trả sinh hoạt hàng ngày nên T nảy sinh

ý định trộm cắp tài sản của người dân sơ hở trong việc quản lý tài sản. Khoảng 19 giờ ngày 19/7/2023, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, không đeo biển số đi từ xã N3 đến Thôn E, xã T4, huyện K thì phát hiện cửa hàng thuốc tân dược của anh Nguyễn Hữu N1, sinh năm 1983, ở Thôn E, xã T4, huyện K không có người trông coi. T dựng xe mô tô trước cửa hàng T8ốc rồi đi vào bên trong cửa hàng gọi to: "*Anh, chị ơi*" khoảng 03 lần nhằm mục đích kiểm tra trong cửa hàng thuốc có người hay không. Sau khi không nghe thấy tiếng người trong nhà trả lời, T đoán trong cửa hàng không có người nên đi đến tủ kính đựng thuốc lấy số tiền 2.730.000 đồng của anh N1 đút vào túi quần phía sau. Tiếp đó, T quan sát thấy trên nóc chiếc quạt điều hòa hơi nước có để 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus nên cầm 02 chiếc điện thoại trên đút vào túi quần phía trước. Sau đó, T điều khiển xe mô tô về nhà thuê ở xã N3. Số tiền trộm cắp được của anh N1, T đã chi tiêu hết 1.490.000 đồng. Số tiền còn lại là 1.240.000 đồng và 02 chiếc điện thoại trộm cắp của anh N1, T cất giấu tại phòng trọ của mình.

Sau khi phát hiện bị trộm cắp tài sản, cùng ngày 19/7/2023 anh Nguyễn Hữu N1 đã làm đơn trình báo, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh, T8 thập dữ liệu điện tử hình ảnh từ camera tại cửa hàng thuốc của anh N1.

Ngày 21/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện K tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn T ở Thôn L1, xã N3, huyện K, T8 giữ số tiền 1.240.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus; 01 quần sóoc; 01 áo cộc tay (là trang phục T mặc khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản tại quầy T8ốc của anh N1); cùng ngày Cơ quan điều tra quản lý của T 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh, biển số 34L7 - 4299.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện K điều tra làm rõ: Với thủ đoạn nêu trên vào các ngày 06/7/2023 và 19/7/2023, T còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện K, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 06/7/2023, T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha màu xanh không đeo biển số đi từ xã N3 đến xã Đ, huyện K nhằm mục đích trộm cắp tài sản. T phát hiện nhà anh Trần Văn T5, sinh năm 1980 ở Thôn C, xã Đ không khóa cửa, quan sát thấy nhà anh T5 không có người trông giữ nên T dừng xe mô tô trước cửa nhà rồi gọi to: "*Anh chị ơi"* khoảng 03 đến 04 lần nhưng không nghe thấy người trả lời. Đoán không có người trong nhà nên T đi vào gian phòng khách, T phát hiện thấy có 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A51 và 01 chiếc điện thoại di động nhãn nhãn hiệu SamSung M32 nên cầm 02 chiếc điện

thoại này đút vào túi quần phía trước rồi điều khiển xe mô tô về nhà trọ. Đến sáng ngày 07/7/2023, T bán 02 chiếc điện thoại trộm cắp của anh T5 cho một người đàn ông không rõ tên, tuổi, địa chỉ được số tiền 1.500.000 đồng, số tiền này T chi tiêu cho bản thân hết. Do vậy, đối với 02 chiếc điện thoại nêu trên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh, T8 hồi tài sản.

Vụ thứ hai: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, T điều khiển xe mô tô Wave Alpha màu xanh, không đeo biển số xe đến xã L, huyện K nhằm mục đích trộm cắp tài sản. T phát hiện thấy nhà chị Phạm Thị H5, sinh năm: 1985 ở Thôn K3, xã L không khóa cửa. T dựng xe trước cửa nhà chị H5 và gọi nhiều lần nhưng không thấy có người trả lời. Đoán rằng gia đình chị H5 không có ai ở nhà nên T đi vào phòng khách nhà trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ của chị H5 cất giấu vào trong người.

Vụ thứ ba: Đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, T tiếp tục điều khiển xe mô tô đi đến cửa hàng tạp hóa của gia đình ông Trịnh Thanh X, sinh năm 1951 ở Thôn K2, xã L, huyện K. T quan sát thấy cửa hàng nhà ông X không có người trông giữ nên T đi vào bên trong nhà, trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20s rồi điều khiển xe mô tô quay về phòng trọ.

Đến ngày 20/7/2023, T mang 02 chiếc điện thoại trộm cắp được của chị H5 và ông X đến cửa hàng điện thoại A1 H10 bán cho anh Đào Văn A1, sinh năm 1995 ở Thôn T7, xã C1, huyện K. Anh A1 không biết 02 chiếc điện thoại này là tài sản do T trộm cắp mà có nên đã đồng ý mua cả 02 chiếc với giá 800.000 đồng. Sau đó, anh A1 đã sử dụng chiếc điện thoại Oppo màu đỏ của chị H5 để lấy linh kiện sửa chữa cho khách nhưng không nhớ khách họ tên là gì, địa chỉ ở đâu nên không T8 giữ được vật chứng. Ngày 21/7/2023, anh A1 đã giao nộp chiếc 01 điện thoại SamSung Galaxy A20s cho cơ quan điều tra.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã yêu cầu anh T5, chị H5 cung cấp thông tin, hóa đơn mua bán của 03 chiếc thoại trước khi bị T trộm cắp để phục vụ cho việc định giá tài sản. Tuy nhiên, anh T5 chỉ xác định tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung A51 và 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu SamSung M32; chị H5 chỉ xác định tài sản bị trộm cắp là 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đỏ mà không cung cấp được các thông tin cần thiết theo yêu cầu.

Ngày 24/7/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng Hình sự huyện K định giá những tài sản mà Nguyễn Văn T trộm cắp. Tại bản kết luận định giá tài sản số 49/KL - HĐĐGTS và 50/KL - HĐĐGTS cùng ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá kết luận:

- Giá trị của điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max tại thời điểm ngày 19/7/2023 là 5.875.000 đồng; giá trị của điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus tại thời điểm ngày 19/7/2023 là 1.750.000 đồng. Tổng giá trị của 02 chiếc điện thoại là 7.625.000 đồng.

- Giá trị của chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20s tại thời điểm ngày 19/7/2023 là 1.017.000 đồng.

Tại công văn số 51/HĐĐG - ĐGTS, 52/HĐĐG - ĐGTS cùng ngày 28/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện K xác định: Tài sản định giá là 03 chiếc điện thoại di động gồm: 01 điện thoại Oppo; 01 điện thoại SamSung A51 và 01 điện thoại SamSung M32 không có hóa đơn bán hàng, không có bản ảnh, không có thông tin liên quan đến dung lượng bộ nhớ, tình trạng của tài sản trước khi bị trộm cắp nên không đủ căn cứ để xác định giá trị tài sản.

Cơ quan điều tra tiến hành trích xuất 05 file video ghi lại hình ảnh Nguyễn Văn T xuất hiện tại hiện trường xảy ra 04 vụ trộm cắp tài sản nêu trên để gửi đi giám định.

Ngày 21/9/2023, Phòng kỹ T8ật hình sự Công an tỉnh H kết luận: File video có ghi hình ảnh T xuất hiện trước cửa nhà anh N1 do được ghi lại từ màn hình trình chiếu video bằng thiết bị ghi hình khác nên không xác định file video này có bị cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh hay không. Trong 04 file video còn lại đều không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung hình ảnh.

Về vật chứng:

- Đối với số tiền 1.240.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động T8 giữ tại phòng trọ của T xác định T8ộc sở hữu của anh Nguyễn Hữu N1; 01 chiếc điện thoại di động SamSung Galaxy A20s xác định T8ộc sở hữu của ông Trịnh Thanh X nên ngày 22/7/2023 và ngày 12/9/2023, cơ quan điều tra đã trao trả tài sản nêu trên cho anh N1 và ông X.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 34L7 - 4299 mà T sử dụng để đi trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của anh Trần Thế C4, sinh năm 1988 ở Đường N4, phường T9, thành phố H9, tỉnh H3. Anh C4 cho T mượn xe làm pH5 tiện đi lại nhưng không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản. Cơ quan điều tra đã nhập kho vật chứng chiếc xe mô tô nêu trên cùng 01 quần sóoc; 01 áo cộc tay T8 giữ của T để chờ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Trịnh Thanh X không yêu cầu bồi thường thêm. Anh Nguyễn Hữu N1, chị Phạm Thị H5, anh Trần Văn T5 yêu cầu Nguyễn Văn T phải bồi thường số tiền tương ứng với mỗi người lần lượt là 1.490.000 đồng; 2.000.000 đồng và 6.000.000 đồng, T nhất trí nhưng đề nghị được trả lại sau.

- Anh A1 mua của T 02 chiếc điện thoại với số tiền là 800.000 đồng, anh A1 không yêu cầu T phải trả lại anh số tiền này.

Cáo trạng số: 117/CT - VKSKC ngày 10/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh H truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo nhất trí bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N1 số tiền 1.490.000 đồng; cho chị Phạm Thị H5 số tiền 2.000.000 đồng và anh Trần Văn T5 số tiền 6.000.000 đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với Nguyễn Văn T. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g; h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản", xử bị cáo từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 21/7/2023.

Về hình phạt bổ sung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Ghi nhận sự tự nguyện, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N1 số tiền 1.490.000 đồng; cho chị Phạm Thị H5 số tiền 2.000.000 đồng và anh Trần Văn T5 số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả khoản tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 34L7 - 4299 cho anh Trần Thế C4.

- Tịch T8 cho tiêu hủy 01 quần sóoc; 01 áo cộc tay là vật không có giá trị, bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch T8 cho tiêu hủy.

- Đối với vật chứng khác đã trả cho chủ sở hữu, các chủ sở hữu không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, việc giao nộp và T8 thập tài liệu, chứng cứ phù hợp với quy định của pháp luật; Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, N1 vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Căn cứ lời khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa của các bị cáo, bị hại; nguyên đơn dân sự và của người có quyền lợi, N1 vụ liên quan, cùng các chứng cứ, tài liệu điều tra có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, tại nhà ông Trịnh Thanh X ở Thôn K2, xã L, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20s trị giá 1.017.000 đồng của ông X.

Đến 19 giờ 30 phút ngày 19/7/2023, tại cửa hàng T8ốc tân dược của anh Nguyễn Hữu N1 ở Thôn E, xã T4, huyện K, Nguyễn Văn T đã có hành vi trộm cắp số tiền 2.730.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone Xs Max trị giá 5.875.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus trị giá 1.750.000 đồng. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 10.355.000 đồng của anh N1.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng do lười lao động, muốn hưởng lợi từ thành quả lao động của người khác, bị cáo đã nhiều lần lén lút thực hiện hành vi trộm cắp nhằm chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 11.372.000 đồng. Vì vậy, hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 117/CT-VKSKC ngày 10/10/2023 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội danh và điều luật hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu;

+ Ngày 29/12/2011, bị Công an huyện N, tỉnh H3 xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đA1 nhau.

+ Ngày 21/6/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh H3 xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản.

+ Ngày 25/12/2017 bị Tòa án nhân dân tỉnh H3 xử phạt 05 tháng tù về tội đA1 bạc. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù với bản án ngày 21/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh H3, T phải chấp hành hình phạt C4 là 11 tháng tù. Chấp hành xong bản án ngày 18/4/2019.

[4] Về tiền án, tiền sự:

- Tiền án: Ngày 28/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh H xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản. Bản án có hiệu lực pháp luật từ ngày 17/7/2023 (Chưa chấp hành án).

- Tiền sự: Ngày 14/7/2023, bị Ủy ban nhân dân xã An Viên, huyện Tiên Lữ, tỉnh H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Ngày 19/7/2023, Nguyễn Văn T đã 02 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, đều đủ căn cứ cấu thành tội phạm; ngày 28/4/2023 bị Tòa án nhân dân huyện Ân Thi, tỉnh H xử phạt 1 năm 03 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (Bản án có hiệu lực pháp luật từ ngày 17/7/2023) chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên và tái phạm theo quy định tại điểm g; h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[7] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo làm mất trật tự trị an, gây hoang mang dao động và bất bình trong quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Bị cáo có nhân thân xấu, đã từng nhiều lần bị xử lý hình sự và xử phạt hành chính do lỗi cố ý, bị cáo không lấy đó làm bài học, nay lại tiếp tục thực hiện hành vi Trộm cắp tài sản nên với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, xét thấy cần thiết phải có hình phạt tương xứng, cần thiết cho cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, mục đích để trừng trị kẻ phạm tội, đồng thời giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

Do bị cáo đang trong thời gian chấp hành hình phạt của Bản án số 09/2023/HSST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi nên căn cứ Điều 56 Bộ luật hình sự cần tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án nêu trên.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, T8 nhập thấp nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584, Điều 585; Điều 589 Bộ luật dân sự 2015: Ghi nhận sự tự nguyện, buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N1 số tiền 1.490.000 đồng; bồi thường cho chị Phạm Thị H5 số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Văn T5 số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả khoản tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

- Ông Trịnh Thanh X đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường thêm nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với số tiền 800.000 đồng anh A1 mua 02 chiếc điện thoại của T nhưng anh A1 không yêu cầu trả lại, không yêu cầu bồi thường, anh A1 đưa ra quan điểm hoàn toàn tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện và không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm c khoản 2, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 34L7 - 4299 mà T sử dụng để đi trộm cắp tài sản T8ộc sở hữu của anh Trần Thế C4, sinh năm 1988 ở Đường N4, phường T9, TP. Hải Dương, tỉnh H3. Anh C4 cho T mượn xe làm pH5 tiện đi lại nhưng không biết T sử dụng xe để đi trộm cắp tài sản nên cần trả lại anh C4

- Đối với 01 quần sóoc; 01 áo cộc tay là vật không có giá trị, bị cáo không yêu cầu trả lại nên cần tịch T8 cho tiêu hủy.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 91/QĐ-VKS- KC ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K*).

- Đối với số tiền 1.240.000 đồng và 02 chiếc điện thoại di động T8 giữ tại phòng trọ của T xác định T8ộc sở hữu của anh Nguyễn Hữu N1; 01 chiếc điện thoại di động SamSung Galaxy A20s xác định T8ộc sở hữu của ông Trịnh Thanh X nên ngày 22/7/2023 và ngày 12/9/2023, cơ quan điều tra đã trao trả tài sản nêu trên cho anh N1 và ông X là có căn cứ nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Đối với 800.000 đồng T được hưởng lợi từ việc bán 02 chiếc điện thoại cho anh A1, Cơ quan điều tra đã T8 hồi và trả chiếc điện thoại SamSung Galaxy A20s cho ông Trịnh Thanh X, còn chiếc điện thoại Oppo của chị H5 không T8 hồi được và chị H5 có yêu cầu T phải bồi thường cho chị 2.000.000 đồng, vì vậy không truy T8 mà T phải bồi thường cho chị H5.

[11] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T8 án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và (9.490.000 đ x 5%) 474.500 đồng án phí trách nhiệm dân sự.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, N1 vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[10] Đối với hành vi của Nguyễn Văn T trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A51; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung M32 của anh Trần Văn T5 vào ngày 06/7/2023 và trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ của chị Phạm Thị H5 vào ngày 19/7/2023, do Hội đồng định giá tài sản huyện K không xác định được trị giá của 03 chiếc điện thoại này nên không có căn cứ xử lý.

- Đối với anh Đào Văn A1 khi mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu đỏ và 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A20s nhưng không biết đó là tài sản do T trộm cắp mà có. Anh Trần Thế C4 không biết T sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 34L7 - 4299 để đi trộm cắp tài sản nên không có căn cứ xử lý đối với anh A1 và anh C4.

- Đối với người đàn ông mua 02 chiếc điện thoại di động của T vào ngày 07/7/2023, do không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có căn cứ để xác minh, xử lý.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g; h khoản 1 Điều 52; Điều 56 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù của bản án số 09/2023/HSST ngày 28/4/2023 của Tòa án nhân dân huyện Â, buộc bị cáo phải thi hành 03 (ba) năm 09 (chín) tháng tù, được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 04/01/2023 đến ngày 13/01/2023), còn phải thi hành 03 (ba) năm 08 (tám) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam 21/7/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự:

- Buộc Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Nguyễn Hữu N1 số tiền 1.490.000 đồng; bồi thường cho chị Phạm Thị H5 số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho anh Trần Văn T5 số tiền 6.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án hợp lệ, nếu chậm thanh toán trả khoản tiền trên thì bị cáo còn phải chịu lãi suất theo mức quy định tại khoản 2 điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T8ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THA Dân sự.

3. Về xử lý vật chứng:

- Trả lại anh Trần Thế C4 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave Alpha biển số 34L7 – 4299.

- Tịch T8 cho tiêu hủy 01 quần sóoc; 01 áo cộc tay.

(*Tình trạng, đặc điểm vật chứng như Quyết định chuyển vật chứng số 91/QĐ-VKS- KC ngày 10/10/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K*).

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 474.500 đồng (*Bốn trăm bảy mươi bốn nghìn năm trăm đồng*) án phí trách nhiệm dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (03/11/2023), bị hại, nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, N1 vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Viện kiểm sát, Công an huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các bị cáo;
- UBND xã Đ; T4; L; Đ.
- Lưu: Hồ sơ, VP Tòa án.

Đào Duy Tr